UBND TỈNH HƯNG YÊN SỞ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 01 /HD - STC	*Hưng Yên, ngày 17 tháng 8 năm 2017*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG-T.HƯNG YÊN
ĐẾN Số: 5707
Ngày 21/8/2017
Chuyển: Lưu Sở
Lưu hồ sơ số: KH - TC / Tm

HƯỚNG DẪN
Xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020

Thực hiện Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 05/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 71/2017/TT-BTC ngày 13/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018-2020;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 1891/UBND-TH ngày 26/7/2017 về việc Thông tư số 69/2017/TT-BTC và Thông tư số 71/2017/TT-BTC.

Sở Tài chính hướng dẫn một số nội dung xây dựng dự toán NSNN năm 2018 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018-2020 với những nội dung chủ yếu sau:

PHẦN I: XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2018

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2017

1. Căn cứ đánh giá nhiệm vụ NSNN năm 2017

a) Nhiệm vụ NSNN năm 2017 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2016 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2017, Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh về giao dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2017.

b) Các văn bản chỉ đạo điều hành của cấp có thẩm quyền có liên quan đến NSNN năm 2017, gồm: Chương trình hành động 27/CTr-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2017 thực hiện Nghị quyết của Chính phủ số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2017 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2017; các Chỉ thị của UBND tỉnh số 08/CT-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2017 về việc tập trung chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - NSNN năm 2017, số 07/CT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2017 về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng các ngành, lĩnh vực nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2017 (Chỉ thị số 07/CT-UBND);

c) Tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính - NSNN 6 tháng đầu năm; các giải pháp phấn đấu hoàn thành vượt dự toán NSNN 2017 trong những tháng còn lại đã được các cấp có thẩm quyền quyết định.

đ) Các kết luận, kiến nghị của các cơ quan chức năng đối với công tác cải cách thủ tục hành chính, thanh tra, kiểm toán, giải quyết khiếu nại tố cáo, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng khi tổ chức thực hiện thu, chi NSNN; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, chống thất thu ngân sách, chống chuyển giá, thu hồi nợ thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế; kết quả thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công, hộ nghèo; bảo đảm kinh phí cho quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị và trật tự xã hội.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN

Căn cứ kết quả thu NSNN 7 tháng đầu năm, dự báo tình hình sản xuất - kinh doanh, diễn biến giá cả thị trường 7 tháng cuối năm, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các huyện, thành phố (địa phương) thực hiện rà soát đánh giá các yếu tố tác động tăng, giảm thu, kiến nghị các giải pháp điều hành nhằm phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu NSNN năm 2017 đã được Hội đồng nhân dân các cấp thông qua; trong đó tập trung vào các nội dung sau:

a) Đánh giá, phân tích từng nguyên nhân ảnh hưởng đến thu NSNN năm 2017, gồm:

Những thuận lợi, khó khăn trong sản xuất - kinh doanh và hoạt động xuất nhập khẩu năm 2017 của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế do tác động của các yếu tố trong nước và ngoài nước; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu; tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp; mức độ tăng, giảm vốn đầu tư của các thành phần kinh tế; khả năng tiếp cận vốn tín dụng thực hiện các dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu của các doanh nghiệp; diễn biến thị trường bất động sản.

Tác động của diễn biến giá hàng hóa nông sản trên thị trường thế giới và trong nước, tác động của việc thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, việc triển khai các Nghị quyết của Chính phủ số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 (Nghị quyết số 35/NQ-CP), số 19-2017/NQ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2017 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020 (Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP), các chính sách tiền tệ, tín dụng, thương mại, đầu tư, chính sách giá, cải cách thủ tục hành chính, số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 về Chính phủ điện tử và tác động của các yếu tố khác đến nền kinh tế và kết quả thu NSNN trong 6 tháng đầu năm.

b) Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện các biện pháp về quản lý thu NSNN theo Nghị quyết số 01/NQ-CP và Chỉ thị số 14/CT-TTg; tình hình triển khai thực hiện các chính sách thuế được sửa đổi, bổ sung có hiệu lực trong năm 2017, bao gồm mở rộng phạm vi thu NSNN theo Luật NSNN và Luật Phí và lệ phí; điều chỉnh thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) theo lộ trình của một số mặt hàng theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT), Luật thuế TTĐB và Luật quản lý thuế; biểu thuế suất thuế tài nguyên theo Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10 tháng

12 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; các văn bản, chính sách, chế độ thu thuế, phí, lệ phí khác tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2017.

c) Đánh giá tình hình thanh tra, kiểm tra và xử lý thu hồi nợ đọng thuế:

Kết quả thực hiện công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ đọng thuế năm 2017. Rà soát, xác định chính xác số nợ thuế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phân tích đánh giá tình hình nợ thuế, xóa nợ thuế trong năm 2017, báo cáo, đánh giá kết quả thu hồi nợ thuế trong năm 2017 và số nợ thuế đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra, quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp trong việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

d) Đánh giá tình hình kê khai, nộp thuế và hoàn thuế GTGT phát sinh theo quy định của Luật thuế GTGT của doanh nghiệp năm 2017. Trong đó, dự kiến số kinh phí hoàn thuế GTGT cho doanh nghiệp trong năm 2017 gắn với tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế GTGT, xử lý thu hồi tiền hoàn thuế GTGT sai quy định, tác động khi thực hiện các nội dung liên quan đến khấu trừ, hoàn thuế GTGT theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật Thuế TTĐB và Luật Quản lý thuế; đề xuất các kiến nghị điều chỉnh cơ chế quản lý hoàn thuế GTGT để đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

đ) Kết quả phối hợp giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các địa phương trong công tác quản lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thu NSNN, bán đấu giá tài sản Nhà nước, đấu giá quyền sử dụng đất và tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, đôn đốc thu hồi nợ thuế, chống thất thu, chống chuyển giá; tồn tại, vướng mắc và giải pháp khắc phục.

e) Kết quả thực hiện thu phí, lệ phí; thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt và tịch thu khác 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2017.

Đánh giá tình hình thu sự nghiệp tại các đơn vị, đánh giá tình hình thu chi thực hiện chuyển thu phí thành giá dịch vụ, thực hiện lộ trình từng bước tính đủ chi phí vào giá dịch vụ đối với một số lĩnh vực ngành, tác động trong thực hiện nhiệm vụ thu, chi của đơn vị .

3. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển

Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các địa phương tập trung đánh giá các nội dung sau:

a) Công tác bố trí và tổ chức thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển (ĐTPT) năm 2017:

- Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án đầu tư công và điều chỉnh dự án đầu tư công (nếu có) theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh.

- Tình hình phân bổ, giao dự toán chi ĐTPT năm 2017: Việc bố trí, phân bổ vốn, giao dự toán chi ĐTPT cho các dự án, công trình trong năm 2017 theo Luật Đầu

tư công; thời gian phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư; kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ xây dựng cơ bản (XDCB) thuộc nguồn NSNN.

- Tình hình thực hiện chi ĐTPT năm 2017:

+ Tình hình thực hiện kế hoạch ĐTPT năm 2017, bao gồm giá trị khối lượng thực hiện, vốn thanh toán đến hết Quý II/2017 (gồm thanh toán khối lượng hoàn thành và thanh toán tạm ứng vốn đầu tư), dự kiến khối lượng thực hiện và vốn thanh toán đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2016, kế hoạch vốn và ước thực hiện năm 2017, kèm theo thuyết minh).

+ Tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG), chương trình mục tiêu (CTMT), các chương trình dự án sử dụng nguồn vốn ODA (viện trợ ODA và vay ODA) và vốn vay ưu đãi (tiến độ giải ngân, khả năng đảm bảo vốn đối ứng). Riêng các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA và/hoặc vay ưu đãi, trường hợp xác định khả năng giải ngân vượt dự toán được giao (nếu có), thì phải có báo cáo UBND tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh.

+ Tình hình thực hiện các dự án đầu tư từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất (trong đó báo cáo chi tiết: số tiền còn dư đến ngày 31 tháng 12 năm 2016; ước số thu phát sinh năm 2017; kiến nghị phương án sử dụng đối với số còn dư đến 31 tháng 12 năm 2016 và số phát sinh năm 2017).

- Tổng hợp, đánh giá tình hình nợ đọng khối lượng đầu tư XDCB nguồn NSNN (bao gồm cả trái phiếu Chính phủ (TPCP) theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2012, số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2013 và số 07/CT-TTg ngày 30 tháng 4 năm 2015: Số nợ đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, số thu hồi trong năm 2017, ước số còn nợ đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (chi tiết từng dự án).

- Số vốn NSNN đã ứng trước cho các dự án đầu tư đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa có nguồn thu hồi.

- Tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6/2017 và dự kiến đến hết năm 2017; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

- Đánh giá vướng mắc trong quản lý đầu tư theo Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật có liên quan, kiến nghị giải pháp xử lý.

b) Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi hỗ trợ phát triển:

- Tình hình thực hiện tín dụng đầu tư ưu đãi của Nhà nước (tổng mức tăng trưởng tín dụng, các nguồn vốn để thực hiện kế hoạch tăng trưởng tín dụng, nguồn NSNN cấp bù chênh lệch lãi suất,...); đối tượng hưởng ưu đãi; phạm vi ưu đãi; đầu mối thực hiện chính sách tín dụng; lãi suất cho vay; cải cách hành chính trong thủ tục xét duyệt cho vay.

- Tình hình thực hiện chính sách tín dụng cho các chương trình cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; tín dụng học sinh, sinh viên; cho vay giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động; cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;... Mỗi chương trình cho vay cần làm rõ cơ sở pháp lý, phạm vi, đối tượng, điều kiện vay, lãi suất huy động bình quân, lãi suất cho vay bình quân; dư nợ cho vay đầu năm, số phát sinh vay và trả nợ trong năm, dự kiến mức dư nợ cuối kỳ; số nợ kinh phí cấp bù lãi suất đầu năm, số phát sinh trong năm, số đã được cấp bù, số dự kiến còn nợ cuối năm.

c) Tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa (tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục).

4. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên

Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và địa phương tập trung đánh giá các nội dung sau:

a) Tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2017 theo từng lĩnh vực chi được giao; kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý.

b) Kết quả việc cắt giảm dự toán đối với các nhiệm vụ chi thường xuyên đã giao trong dự toán đầu năm của các Sở, ban ngành cấp tỉnh và địa phương, nhưng đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa phân bổ hoặc đã phân bổ nhưng chưa triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, Chỉ thị số 14/CT-TTg, Chỉ thị số 06/CT-UBND.

c) Kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và chế độ chi tiêu, đồng thời kiến nghị các giải pháp khắc phục ngay trong năm 2017, cụ thể:

- Đối với các chế độ, chính sách: Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, kiến nghị bổ sung, sửa đổi các chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

- Tình hình, kết quả triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 và bổ sung, sửa đổi tại Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ.

- Tình hình triển khai thực hiện 6 tháng đầu năm và khả năng thực hiện cả năm 2017 đối với các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05/01/2017 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; tình hình thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực theo các Nghị định của Chính phủ số

54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập (Nghị định số 54/2016/NĐ-CP), số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác (Nghị định số 141/2016/NĐ-CP), trong đó chi tiết: Số đơn vị đã giao tự chủ theo từng loại; lộ trình điều chỉnh giá, phí dịch vụ sự nghiệp công; tác động đến NSNN (số tăng thu của đơn vị sự nghiệp và số giảm chi NSNN hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp - nếu có).

- Tình hình, kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế đến 30 tháng 6 năm 2017 và dự kiến cả năm theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (Nghị quyết số 39-NQ/TW), Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (Nghị định số 108/2014/NĐ-CP); chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2017 củaThủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh chủ trương tinh giản biên chế (chỉ thị số 02/CT-TTg); Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW (Quyết định số 2218/QĐ-TTg); Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (Nghị định số 26/2015/NĐ-CP).

d) Tình hình triển khai thực hiện chuẩn nghèo đa chiều theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ trong 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2017; các khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị xử lý.

5. Đánh giá tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu chương trình, dự án khác sử dụng vốn ngoài nước

a) Các Sở, ban ngành cấp tỉnh và địa phương đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi CTMTQG, CTMT (bao gồm dự toán năm 2017 và số dự toán năm 2016 chuyển nguồn thực hiện năm 2017 - nếu có); thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện; trường hợp CTMTQG, CTMT có sử dụng nguồn vốn ngoài nước thì báo cáo tình hình giải ngân chi tiết theo vốn viện trợ ODA, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài, cơ chế tài chính và đề xuất kiến nghị (nếu có).

b) Các Sở, ban ngành cấp tỉnh đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi các chương trình, dự án khác sử dụng vốn ngoài nước (bao gồm cả dự án ô), chi tiết theo vốn viện trợ ODA, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài, cơ chế tài chính và đề xuất kiến nghị (nếu có).

6. Đánh giá tình hình đảm bảo kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương

a) Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh báo cáo về:

- Biên chế, quỹ lương, các khoản phụ cấp theo lương;

- Nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

- Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở, trong đó làm rõ: nguồn sắp xếp, tiết kiệm các khoản chi thường xuyên trong phạm vi dự toán NSNN năm 2017 được giao; nguồn thu được để lại theo chế độ theo lộ trình kết cấu chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, các Nghị định về tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo lĩnh vực; nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương chưa sử dụng hết năm 2016 chuyển sang năm 2017 (nếu có), nguồn chưa sử dụng hết năm 2017 chuyển sang năm 2018 thực hiện điều chỉnh lương cơ sở (nếu có).

b) Các huyện, thành phố báo cáo về:

- Quỹ lương, phụ cấp, trợ cấp thực hiện năm 2016 và dự kiến năm 2017;

- Nhu cầu kinh phí tăng thêm đến mức lương cơ sở 1,3 triệu đồng/người/tháng năm 2017;

- Việc sử dụng nguồn lực của địa phương để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở từ ngày 01 tháng 07 năm 2017, gồm: nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương); 50% tăng thu NSĐP thực hiện so với dự toán năm 2016; số thu được để lại theo chế độ phù hợp với lộ trình kết cấu chi phí vào giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, các Nghị định về tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo lĩnh vực; nguồn cải cách tiền lương còn dư (nếu có).

7. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2017 của các huyện, thành phố

Ngoài các yêu cầu nêu trên, các huyện, thành phố, thị xã tập trung đánh giá thêm một số nội dung sau:

a) Đánh giá công tác huy động các nguồn lực tài chính ở địa phương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Khả năng cân đối NSĐP so với dự toán, các biện pháp đã và sẽ thực hiện để đảm bảo cân đối NSĐP trong trường hợp dự kiến bị giảm thu NSĐP.

c) Tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội:

- Chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, Luật Người cao tuổi và Luật Người khuyết tật (Nghị định số 136/2013/NĐ-CP);

- Chính sách hỗ trợ giáo dục - đào tạo (chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3-5 tuổi theo Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2010 và Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc nội trú theo Quyết định số 82/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ miễn giảm học phí, chi phí học tập cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị định

số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học tại các cơ sở giáo dục theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính; chính sách hỗ trợ cho học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ);

- Chính sách hỗ trợ về y tế (chính sách hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) cho trẻ em dưới 6 tuổi, học sinh, sinh viên, người thuộc hộ gia đình làm nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình, đối tượng bảo trợ xã hội).

- Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn (chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; chính sách hỗ trợ tiền tiện cho hộ nghèo theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ);

- Chính sách hỗ trợ phòng trừ dịch bệnh và phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ, cứu đói cho người dân;

- Tình hình thực hiện chính sách đối với hộ nghèo thu nhập và hộ nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản theo quy định về chuẩn nghèo đa chiều; thời điểm thực hiện và nguồn ngân sách bảo đảm.

Đối với từng chính sách, đề nghị có báo cáo cụ thể đối tượng (trong đó đối với hộ nghèo xác định theo tiêu chí thu nhập), nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách năm 2017 (có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính).

d) Tình hình giảm chi NSNN hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với việc điều chỉnh giá, phí đơn vị sự nghiệp công và việc sử dụng số giảm chi ngân sách để tăng chi thực hiện các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo, các đối tượng chính sách để tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ sự nghiệp công, thực hiện cải cách tiền lương, tăng chi mua sắm, sửa chữa và chi ĐTPT cho các chương trình, dự án, các mục tiêu phát triển của ngành, lĩnh vực, trên cơ sở đó cơ cấu lại chi thường xuyên các lĩnh vực, cơ cấu lại chi NSNN.

đ) Xác định nhu cầu và nguồn cải cách tiền lương năm 2017, số còn dư (nếu có) sau khi đã đảm bảo đủ nhu cầu cải cách tiền lương trong năm 2017.

e) Báo cáo cụ thể việc bố trí ngân sách (bao gồm cả số NS tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho NSĐP - nếu có) và sử dụng dự phòng NSĐP thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh ở người và trên gia súc, gia cầm, cây trồng; tình hình sử dụng dự phòng NSĐP đến ngày 30 tháng 8 năm 2017.

g) Tình hình phân bổ, giao dự toán chi NSNN từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng của địa phương, thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

h) Tình hình thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới: kinh phí thực hiện, chi tiết theo từng nguồn (NSTW, NSĐP, vốn trái phiếu Chính phủ, các nguồn huy động khác), số xã hoàn thành mục tiêu chương trình; trường hợp mức cân đối NSĐP và các nguồn huy động khác thấp so với dự kiến phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

i) Tình hình thực hiện CTMTQG giảm nghèo: Kinh phí thực hiện, chi tiết theo từng nguồn (NSTW, NSĐP, các nguồn huy động khác); trường hợp mức cân đối NSĐP và các nguồn huy động khác thấp so với dự kiến phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

k) Tình hình thực hiện các CTMT: Kinh phí thực hiện, chi tiết theo từng nguồn (NSTW, NSĐP và các nguồn huy động khác); trường hợp mức cân đối NSĐP và các nguồn huy động khác thấp so với dự kiến phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

8. Một số nội dung cần chú trọng trong đánh giá các lĩnh vực chi NSNN phục vụ báo cáo Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và Bộ Tài chính, đề nghị các Sở, ngành đánh giá cụ thể bao quát lĩnh vực chuyên môn đối với toàn tỉnh:

- Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: Đánh giá kết quả thực hiện chính sách ưu đãi trong giáo dục, đào tạo và dạy nghề, việc thực hiện điều chỉnh học phí năm 2017 theo lộ trình quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Đánh giá việc thực hiện các đề án do Sở Giáo dục đào tạo chủ trì như trường chuẩn quốc gia, đào tạo nguồn nhân lực, đề án ngoại ngữ ...

- Sự nghiệp Y tế: Đánh giá kết quả thực hiện chính sách ưu đãi trong lĩnh vực y tế; tình hình thực hiện và tác động điều chỉnh giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC của Liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Thông tư số 02/2017/TT-BYT qui định khung giá dịch vụ khám chữa bệnh cho đối tượng không thuộc phạm vi thanh toán quỹ bảo hiểm y tế và tình hình phân loại tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công. Đánh giá tình hình thực hiện đề án do Sở Y tế chủ trì như đề án thu hút bác sĩ, dược sĩ đại học về công tác tại các đơn vị y tế tuyến huyện và tuyến xã...

- Sự nghiệp đảm bảo xã hội: đánh giá tình hình thực hiện chuẩn nghèo đa chiều theo quyết định số 59/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ, Luật Người cao tuổi và Luật Người khuyết tật; Luật bảo vệ và chăm sóc trẻ em; chế độ điều dưỡng người có công, chế độ tiền quà cho đối tượng chính sách; chính sách hỗ trợ nhà ở cho người có công, thực hiện công tác hỗ trợ dạy nghề cho nông dân; các chương trình, đề án UBND tỉnh giao cho ngành thực hiện, tình hình thực hiện chính sách đối với hộ nghèo thu nhập và hộ nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản theo quy định về chuẩn nghèo đa chiều; thời điểm thực hiện và nguồn ngân sách bảo đảm.

Đối với từng chính sách, đề nghị có báo cáo cụ thể đối tượng (trong đó đối với hộ nghèo xác định theo tiêu chí thu nhập), nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách năm 2017 (có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính).

- Chính sách hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, cho người cận nghèo, học sinh, sinh viên, người thuộc hộ gia đình làm nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình; các chính sách BHYT cho các đối tượng được NSNN hỗ trợ.

- Sự nghiệp Nông nghiệp và phát triển nông thôn: chính sách miễn thu thủy lợi phí theo Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ, tình hình thực hiện đề án Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2016 – 2020. Chính sách hỗ trợ phòng trừ dịch bệnh và phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ, cho người dân; chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Sự nghiệp Giao thông: đánh giá tình hình thực hiện kinh phí bảo trì đường bộ, tình hình thực hiện chương trình đề án của ngành,...

- Sự nghiệp Tài nguyên Môi trường: đánh giá tình hình quản lý sử dụng Quỹ bảo vệ môi trường, tình hình phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí tài nguyên môi trường trong năm 2017, tình hình thực hiện các đề án(nếu có);

- Sự nghiệp Khoa học và Công nghệ: Đánh giá tình hình thực hiện các đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (trong đó có kinh phí hoạt động thường xuyên của tổ chức khoa học và công nghệ). Các nhiệm vụ không thường xuyên khác của tổ chức khoa học và công nghệ năm 2017. Đánh giá cơ chế tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học công nghệ theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ.

Các Sở, ban ngành được giao chủ trì các đề án, kế hoạch trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020 cần đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2017.

9. Xác định nguồn cải cách tiền lương năm 2017 và dự kiến năm 2018: xác định số dư nguồn cải cách tiền lương năm 2016 chuyển sang, dự kiến số tạo nguồn CCTL năm 2017 (dự kiến số trích từ nguồn thu trong năm), dự kiến chi từ nguồn cải cách tiền lương để thực hiện Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ quy định tăng mức lương cơ sở, nguồn CCTL còn dư dự kiến chuyển sang năm 2018 và dự kiến tạo nguồn CCTL năm 2018.

10. Các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia, Trung ương bổ sung có mục tiêu: đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi CTMTQG, TWBS; thuận lợi, khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong triển khai thực hiện.

11. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các Quỹ tài chính ngoài ngân sách Nhà nước đánh giá tình hình ước thực hiện của Quỹ năm 2017.

II. Xây dựng dự toán NSNN năm 2018

1.Yêu cầu

a) Năm 2018 là năm bản lề thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, là năm triển khai kế hoạch tài chính quốc gia 5 năm giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, nên có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và tài chính - ngân sách giai đoạn 2016-2020.

b) Dự toán NSNN năm 2018 được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật về quy trình, thời hạn, thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, giải trình; đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Hội đồng nhân dân thông qua; phù hợp với định hướng phát triển và mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2018 theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

c) Việc xây dựng dự toán thu, chi NSNN năm 2018 phải theo đúng các quy định của pháp luật về thu, chi và quản lý thu, chi ngân sách; trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán NSNN; quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

d) Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các địa phương trên cơ sở đánh giá thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2017, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 và giai đoạn 2016-2020 của ngành, lĩnh vực và địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 để xác định nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng thực hiện trong năm 2018; chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ chi theo mức độ cấp thiết, khả năng triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

đ) Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh khi xây dựng dự toán cần tính tới việc rà soát tổng thể các chế độ, chính sách (nhất là các chính sách an sinh xã hội) để bãi bỏ, hoặc lồng ghép theo thẩm quyền, hoặc trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ, lồng ghép các chính sách chồng chéo, trùng lắp, kém hiệu quả; không đề xuất các chính sách làm giảm thu ngân sách; chỉ đề xuất ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách khi thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Xây dựng dự toán thu NSNN

Dự toán thu NSNN năm 2018 được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ thu NSNN hiện hành. Mọi khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác phải được tổng hợp, phản ánh đầy đủ vào cân đối NSNN theo quy định của Luật NSNN; trên cơ sở dữ liệu thông tin quản lý về thuế; đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2017, dự báo các yếu tố thay đổi về năng lực đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu năm 2018 có tính đến các yếu tố tác động

cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế công lập theo quy định của Nghị định số 141/2016/NĐ-CP.

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: Thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Số biên chế năm 2018 (bằng số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2017, trừ đi (-) số biên chế giảm trong năm (nghỉ theo chế độ và tinh giản biên chế trong năm 2017, cộng với (+) số bổ sung trong năm 2017), trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt (nếu có).

+ Xác định Quỹ tiền lương, phụ cấp theo mức lương cơ sở 1,3 triệu đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm: *(i)* Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt, thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, BHYT, kinh phí công đoàn); *(ii)* Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1,3 triệu đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ.

Quỹ tiền lương, phụ cấp của số người làm việc theo chế độ hợp đồng không thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thực có mặt tại thời điểm lập dự toán (cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vị trí việc làm), được xác định tương tự như đối với số biên chế được duyệt.

+ Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) năm 2018 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

- Đối với các tổ chức chính trị, xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp được ngân sách hỗ trợ kinh phí hoạt động, dự toán ngân sách năm 2018 được xác định bằng dự toán năm 2017 theo Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội Quần chúng.

4. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh bên cạnh việc lập dự toán thu, chi NSNN năm 2018 (phần Sở trực tiếp thực hiện), cần tính toán xác định nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách được cấp có thẩm quyền ban hành và có hiệu lực trong năm 2018, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

5. Xây dựng dự toán chi thực hiện các CTMTQG, CTMT:

* Đối với các CTMTQG và các CTMT đã được phê duyệt:

Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh được giao là chủ CTMTQG, CTMT căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình, tổng mức vốn, kinh phí đã được duyệt, mức đã bố trí năm 2016, 2017 và số kiểm tra năm 2018, lập dự toán vốn, kinh phí thực hiện chương trình phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, chi tiết theo từng nguồn vốn, từng dự án, nội dung, nhiệm vụ, kinh phí sự nghiệp, vốn đầu tư, nguồn NSTW, nguồn đối ứng NSĐP, báo cáo UBND tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và cơ quan chủ chương trình theo quy định.

Dự toán phải kèm thuyết minh chi tiết chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ của từng dự án, nhiệm vụ.

* Đối với các CTMT chưa có quyết định phê duyệt:

Căn cứ Nghị quyết số 73/2016/NQ-CP ngày 26 /8/2016 của Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư các CTMT giai đoạn 2016-2020; Quyết định về việc giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2016-2020 và các quyết định giao vốn đầu tư trung hạn còn lại của cấp có thẩm quyền.

Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các địa phương căn cứ hướng dẫn của cơ quan quản lý chương trình, thực hiện lập dự toán chi thực hiện các chương trình, chi tiết theo từng nguồn vốn, từng dự án, nội dung, nhiệm vụ, kinh phí sự nghiệp, vốn đầu tư, nguồn NSTW, nguồn đối ứng NSĐP, báo cáo UBND tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và cơ quan chủ chương trình theo quy định; kèm thuyết minh chi tiết chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư, kinh phí sự nghiệp của từng dự án, nhiệm vụ.

6. Đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA (bao gồm vốn vay và viện trợ), nguồn vốn vay ưu đãi và viện trợ phi chính phủ nước ngoài:

Thực hiện lập dự toán ngân sách năm 2018 theo quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý nợ công, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Căn cứ Hiệp định, thỏa thuận viện trợ đã ký với nhà tài trợ, khả năng thực hiện năm 2017, cơ chế tài chính của chương trình, dự án, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh lập dự toán chi NSNN từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi từ nhà tài trợ, trong đó chi tiết vốn vay, vốn viện trợ không hoàn lại, vốn đối ứng của từng chương trình, dự án và phù hợp với tính chất sử dụng vốn (vốn ĐTPT và vốn sự nghiệp) theo các lĩnh vực chi tương ứng.

Dự toán chi ngân sách từ nguồn vốn ODA (bao gồm vốn vay và viện trợ), vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài phải phù hợp với các cam kết đã ký với nhà tài trợ, khả năng bố trí vốn đối ứng và tiến độ thực hiện; hạn chế tối đa việc bổ sung ngoài dự toán được giao trong tổ chức thực hiện. Đối với các chương trình, dự án mới, chỉ triển khai nếu thực sự hiệu quả, phù hợp với khả năng giải ngân theo Hiệp định đã ký và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Các chương trình, dự án hỗn hợp cả vốn cấp phát từ NSNN và vốn cho vay lại, chủ chương trình, dự án phải hướng dẫn lập, tổng hợp dự toán cho từng phần vốn. Lập dự toán chi từ nguồn vốn ngoài nước phải đảm bảo đúng, đủ và trong phạm vi hạn mức quy định tại Kế hoạch đầu tư công trung hạn.

7. Lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương

Năm 2018, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định. Trong đó:

- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh trên cơ sở dự toán NSNN được giao, tiết kiệm chi thường xuyên và phấn đấu tăng nguồn thu sự nghiệp để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương.

- Các địa phương tiếp tục cơ chế tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 50% nguồn tăng thu NSĐP (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động XSKT), bao gồm tăng thu thực hiện năm 2017 so dự toán năm 2017, tăng thu dự toán năm 2018 so với dự toán năm 2017; nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư; đồng thời, yêu cầu các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp có nguồn thu được giao tự chủ phấn đấu tăng thu cùng với lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ và sử dụng nguồn thu này ưu tiên để thực hiện cải cách tiền lương.

8. Bố trí dự phòng NSNN

NSĐP các cấp bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định của Luật NSNN để chủ động đối phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

9. Dự toán chi từ nguồn thu được để lại theo chế độ

Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các địa phương thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại (phí và các khoản huy động đóng góp bằng tiền, trừ học phí và các khoản thu sự nghiệp không thuộc danh mục thu phí) theo chế độ quy định theo đúng các nội dung đã quy định tại điểm a, b nêu trên và tổng hợp chung trong dự toán chi ngân sách của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các địa phương.

Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, các địa phương xây dựng dự toán chi chặt chẽ, chi tiết theo từng lĩnh vực quy định tại Luật NSNN, từng nhiệm vụ, từng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc; sau khi đã làm việc với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, các huyện, thành phố, thị xã (nếu có đăng ký) triển khai ngay công tác lập phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2018 của đơn vị, địa phương mình, để khi nhận được dự toán ngân sách Chủ tịch UBND tỉnh giao, chủ động trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ và giao dự toán ngân sách đến đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo trước ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo đúng quy định của Luật NSNN.

10. Xây dựng báo cáo các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị ở địa phương lập báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2017 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2018 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi cùng dự toán NSNN năm 2018 theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

11. Xây dựng dự toán NSĐP

Xây dựng dự toán thu, chi NSĐP năm 2018 phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và địa phương năm 2018 và giai đoạn 2016-2020; kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện; chế độ, định mức chi NSNN, bảo đảm đủ nguồn

lực thực hiện các chế độ, chính sách do Trung ương và của tỉnh đã ban hành và theo đúng quy định của Luật NSNN.

Ngoài các quy định hướng dẫn chung về công tác lập dự toán NSNN, việc lập, xây dựng dự toán NSĐP cần chú ý một số nội dung chủ yếu sau:

a) Xây dựng dự toán thu ngân sách trên địa bàn:

Các địa phương xây dựng dự toán trên cơ sở tổng hợp toàn bộ các khoản thu từ thuế, phí lệ phí và các khoản thu khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 7 của Luật NSNN và các quy định pháp luật có liên quan.

Căn cứ mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, khả năng thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và ngân sách năm 2017, mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2018, phạm vi thu NSNN theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật, dự báo nguồn thu năm 2018 đối với từng ngành, từng lĩnh vực, các cơ sở kinh tế của từng địa phương và những nguồn thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ từng lĩnh vực thu, từng khoản thu theo chế độ. Phân tích, đánh giá cụ thể những tác động tăng, giảm thu ảnh hưởng đến dự toán thu NSNN năm 2018 theo từng địa bàn, lĩnh vực thu, từng khoản thu, sắc thuế.

UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các cơ quan Tài chính, Thuế, phối hợp với các cơ quan liên quan chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh trong việc xây dựng dự toán thu ngân sách. Đồng thời, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát, lập dự toán thu NSNN tích cực, sát thực tế phát sinh tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu, không để phần dư địa để thực hiện giao chỉ tiêu phấn đấu thu, lấy chỉ tiêu pháp lệnh thu NSNN do HĐND tỉnh quyết định, Chủ tịch UBND tỉnh giao làm căn cứ chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn.

b) Về xây dựng dự toán chi NSĐP, Ủy ban nhân dân các cấp chủ động:

Xây dựng dự toán chi NSĐP trên cơ sở nguồn thu NSĐP được hưởng theo phân cấp, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách tỉnh, huyện, xã, số bổ sung cân đối từ NS cấp tỉnh cho NSĐP được giao năm 2017; trên cơ sở mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 của địa phương; thực tế thực hiện các nhiệm vụ thu - chi ngân sách của địa phương năm 2016, ước thực hiện năm 2017, xây dựng dự toán chi NSĐP chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành;

Các địa phương báo cáo chi tiết nhu cầu, việc sử dụng các nguồn lực của địa phương, kinh phí thừa, thiếu để thực hiện các chính sách mới, hoặc việc điều chỉnh tăng mức, mở rộng đối tượng thụ hưởng các chính sách hiện hành trong năm 2017 và nhu cầu năm 2018 theo quy định, để có cơ sở lập dự toán bổ sung có mục tiêu cho địa phương.

Đồng thời thực hiện những nội dung chủ yếu sau:

- Đối với dự toán chi ĐTPT: Căn cứ quy định của Luật Đầu tư công và kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020.

- Bố trí dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các dự án di dân, tái định cư, chuẩn bị mặt bằng xây dựng, CTMTQG Nông thôn mới;

- Tổng hợp đầy đủ các chính sách, chế độ do HĐND tỉnh ban hành tại kỳ họp thứ 5 HĐND tỉnh khóa XVI (Kỳ họp giữa năm 2017) trong dự toán năm 2018 (kèm theo các nội dung thuyết minh chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

- Lập dự toán chi hoạt động của các Trung tâm giáo dục thường xuyên và dạy nghề trực thuộc tỉnh được chuyển về các huyện, thành phố, thị xã quản lý.

- Trên cơ sở kế hoạch triển khai cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập, dự toán giảm chi thường xuyên NSNN hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với việc điều chỉnh giá, phí đơn vị sự nghiệp công và dự toán sử dụng số giảm chi ngân sách để tăng chi thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ cho người nghèo, các đối tượng chính sách để tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ sự nghiệp công, thực hiện cải cách tiền lương, tăng chi mua sắm, sửa chữa và chi ĐTPT cho các chương trình, dự án, các mục tiêu phát triển của ngành, lĩnh vực, trên cơ sở đó cơ cấu lại chi thường xuyên các lĩnh vực, cơ cấu lại chi NSNN của địa phương năm 2018.

12. Về mẫu biểu và thời gian báo cáo

Các cơ quan, đơn vị tiếp tục lập dự toán năm 2018 theo mẫu báo cáo xây dựng dự toán NSNN hàng năm. Hệ thống báo cáo đánh giá tình hình thực hiện NSNN năm 2017 và dự toán NSNN năm 2018 của các cơ quan đơn vị được đóng thành quyển và in bìa xanh.

***a,* <u>Mẫu biểu phục vụ xây dựng dự toán ngân sách năm 2018</u>**

- Sở, ngành, đơn vị dự toán khối tỉnh: Các đơn vị xây dựng dự toán theo Phụ lục 01 (*mẫu biểu số 05,06,07,11.1, 12.1 đến 12.5; 13.1 đến 13.12, 14, 15.1,15.2, 18 Thông tư số: 342/2016/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định số 163/2016/NĐ-CP và mẫu số 01,02,03,04- Phục lục 02, kèm theo hướng dẫn này*) cùng với báo cáo thuyết minh các nội dung theo hướng dẫn gửi về Phòng Quản lý Ngân sách và Phòng Tài chính Hành chính Sự nghiệp – Sở Tài chính đồng gửi File dữ liệu của các Phụ biểu chi tiết này (dạng File Excel) gửi về Phòng Tài chính HCSN - Sở Tài chính theo địa chỉ hòm thư điện tử: ***<u>tchcsn.stc@hungyen.gov.vn</u>***).

- Đối với ngân sách cấp huyện, thành phố: số liệu tổng hợp lập theo Phụ lục 01, quy định tại theo Thông tư 342/2016 ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định hướng dẫn số điều của Nghị Định 163/2016/NĐ-CP *và mẫu số 01,02,03,04- Phục lục 02, kèm theo hướng dẫn này* cùng với báo cáo thuyết minh các nội dung theo hướng dẫn, đồng gửi File dữ liệu của các Phụ biểu chi tiết này (dạng File Excel) gửi về Phòng Quản lý Ngân sách - Sở Tài chính theo địa chỉ hòm thư điện tử: ***<u>phongqlns.stchy@gmail.com</u>*** để tổng hợp.

(Các cơ quan, đơn vị, các huyện, thành phố tải Công văn hướng dẫn này và các mẫu biểu kèm theo tại website của Sở Tài chính, theo địa chỉ http://sotaichinh.hungyen.gov.vn, mục "TRA CỨU VĂN BẢN-Quản lý ngân sách)

b, Thời gian thực hiện

Các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện thành phố lập báo cáo theo hướng dẫn tại công văn này và gửi về Sở Tài chính trước ngày 30/08/2017.

Quá thời hạn trên, Sở Tài chính chưa nhận được báo cáo đánh giá và dự toán NSNN năm 2018 của các cơ quan, đơn vị thì kế toán các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước thủ trưởng đơn vị và thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về dự toán thu, chi NSNN của đơn vị mình.

- Các cơ quan, đơn vị liên hệ và làm việc với Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp (thuộc Sở Tài chính) để tính toán dự toán kinh phí tự chủ (đối với các cơ quan hành chính nhà nước) và dự toán kinh phí chi hoạt động thường xuyên (đối với các đơn vị sự nghiệp công lập) trong thời gian từ ngày 01/09/2017 đến hết ngày 10/09/2017.

- Phòng Tài chính- KH các huyện, thành phố làm việc với Phòng Quản lý ngân sách (thuộc Sở Tài chính) để tính toán dự toán kinh phí chi cân đối ngân sách cấp huyện, cấp xã trong thời gian theo lịch gửi kèm hướng dẫn này.

- Lịch thảo luận dự toán NSNN năm 2018 cho các đơn vị dự toán, và Lãnh đạo UBND các huyện, thành phố sẽ được thông báo sau.

PHẦN II: LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 03 NĂM 2018-2020

I. Đối với các sở, ban, ngành, các đơn vị dự toán khối tỉnh

1. Đối tượng lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm

- Các đơn vị dự toán cấp I khối tỉnh: là đối tượng phải lập kế hoạch tài chính NSNN 03 năm theo quy định tại Điều 12 Nghị định 45/2017/NĐ-CP.

- Các sở,ban, ngành, các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước (không phân quản lý theo ngành): không phải xây dựng kế hoạch tài chính NSNN 03 năm nhưng phải xây dựng báo cáo nhu cầu chi ngân sách 3 năm để phục vụ công tác tổng hợp xây dựng kế hoạch tài chính NSNN 03 năm của tỉnh.

2. Căn cứ lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm và xây dựng báo cáo nhu cầu chi 3 năm

- Tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ chính sách chủ yếu và dự toán ngân sách nhà nước được giao năm hiện hành;

- Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị; kế hoạch đầu tư công trung hạn của cơ quan, đơn vị;

- Quy định hiện hành và định hướng sửa đổi bổ sung, ban hành mới quy định pháp luật về tài chính – NSNN do trung ương và tỉnh ban hành trong thời gian 03 năm kế hoạch;

- Dự báo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trong thời gian 03 năm kế hoạch;

- Chỉ đạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về lập kế hoạch tài chính – NSNN trong thời gian 03 năm kế hoạch;

- Trần chi ngân sách do Sở Tài chính thông báo cho cơ quan, đơn vị (đối với đơn vị dự toán cấp I khối tỉnh); do Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo (đối với dự án đầu tư).

3. Nội dung kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm và báo cáo nhu cầu chi ngân sách 3 năm

a. Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị năm hiện hành, tập trung làm rõ:

Khả năng, mức độ hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được giao; những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của nó;

Rà soát lại các khoản chi tiêu cơ sở, loại bỏ các khoản chi phát sinh một lần, điều chỉnh các khoản chi cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ đã được quyết định nhưng kết quả thực tế không đạt mức mong muốn sang các chương trình, dự án, nhiệm vụ có ưu tiên cao hơn; từ đó xác định mức chi cơ sở năm dự toán và 02 năm tiếp theo của cơ quan, đơn vị mình;

Đối với các cơ quan quản lý ngành, cơ quan chủ chương trình mục tiêu quốc gia và cơ quan chủ chương trình mục tiêu, bên cạnh việc đánh giá những mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách phần do cơ quan mình trực tiếp quản lý, thực hiện, còn có đánh giá về khả năng thực hiện những các mục tiêu, nhiệm vụ của ngành, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu được phân công quản lý.

b. Dự kiến các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu phát sinh của cơ quan, đơn vị trong thời gian 03 năm kế hoạch và đề xuất nhu cầu chi ngân sách để thực hiện:

a) Các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu dự kiến phát sinh của cơ quan đơn vị phải bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực đã đề ra trong giai đoạn 05 năm; cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn để triển khai thực hiện, chi tiết thành các hoạt động cụ thể;

b) Nhu cầu chi ngân sách nhà nước để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát sinh là chi tiêu mới của cơ quan, đơn vị trong thời gian 03 năm kế hoạch, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước, các chính sách và chế độ chi ngân sách do cấp có thẩm quyền ban hành; chi tiết theo lĩnh vực chi và cơ cấu đầu tư phát triển, chi thường xuyên.

c. Tổng hợp nhu cầu chi ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị:

- Căn cứ trần chi ngân sách được Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư thông báo (đối với đơn vị dự toán cấp I); căn cứ nhu cầu chi đã xác định theo quy định tại điểm 3.2 nêu trên; cơ quan, đơn vị xác định nhu cầu chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước và nhu cầu chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị mình năm dự toán và 02 năm tiếp theo, chi tiết theo lĩnh vực chi, chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới; trên cơ sở đó tổng hợp nhu cầu chi ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị trong thời gian 03 năm kế hoạch. Cụ thể:

+ Nhu cầu chi đầu tư phát triển của cơ quan, đơn vị năm kế hoạch bằng tổng chi đầu tư phát triển cơ sở và chi đầu tư phát triển mới trong năm đó, được chi tiết theo từng năm và theo từng lĩnh vực chi ngân sách nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ; kèm theo các tài liệu thuyết minh, giải trình về tiến độ thực hiện hoặc kế hoạch thực hiện của các dự án có liên quan.

+ Nhu cầu chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị năm kế hoạch bằng tổng chi thường xuyên cơ sở và chi thường xuyên mới trong năm đó, được chi tiết theo từng năm và theo từng lĩnh vực chi ngân sách nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ; kèm theo các tài liệu giải trình có liên quan.

- Quá trình tổng hợp nhu cầu chi ngân sách, các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I phải chủ động sắp xếp, rà soát các nhiệm vụ chi để nhu cầu chi nằm trong phạm vi trần chi ngân sách được thông báo, đảm bảo chi tiêu cơ sở chặt chẽ, hiệu quả và dành nguồn kinh phí thỏa đáng cho chi tiêu mới:

Trường hợp nhu cầu chi của các cơ quan, đơn vị lớn hơn trần chi ngân sách được thông báo, cơ quan, đơn vị cần phân tích rõ nguyên nhân tăng nhu cầu chi, đồng thời chủ động đề xuất các giải pháp về nguồn tài chính để thực hiện được các mục tiêu, nhiệm vụ được giao, như: rà soát, sắp xếp nhu cầu chi theo thứ tự ưu tiên; cắt giảm kinh phí các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách đang thực hiện nhưng kém hiệu quả để điều chỉnh, hoặc thay thế bằng các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách mới có hiệu quả hơn; kiến nghị hoặc ban hành mới các cơ chế, chính sách nhằm huy động thêm nguồn lực tài chính ngoài ngân sách;

Trường hợp nhu cầu chi của các cơ quan, đơn vị được đảm bảo từ nguồn thu phí được để lại và nguồn thu sự nghiệp, thu dịch vụ khác theo chế độ quy định, thì số dự kiến thu phải được chi tiết từng năm, cùng với các đánh giá, thuyết minh có liên quan.

Các đơn vị dự toán (không quản lý theo ngành) tổng hợp nhu cầu chi đảm bảo chi tiêu cơ sở chặt chẽ, hiệu quả và rà soát, sắp xếp nhu cầu chi theo thứ tự ưu tiên, cắt giảm hoặc thay thế các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ chính sách kém hiệu quả để dành nguồn kinh phí thỏa đáng cho chi tiêu mới, thuyết minh nhu cầu chi tiêu mới.

- Báo cáo nhu cầu chi ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị dự toán cấp I phải kèm theo thuyết minh, giải trình về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ ngân sách cho cơ quan, đơn vị trực thuộc; ưu tiên bố trí ngân sách và nguồn lực tài chính khác cho chương trình, dự án, nhiệm vụ chủ yếu; dự báo các rủi ro phát sinh trong tổ chức thực

Phụ lục

DANH MỤC MẪU BIỂU KÈM THEO HƯỚNG DẪN SỐ 01 /HD-STC
NGÀY 17/8/2017 CỦA SỞ TÀI CHÍNH

Các mẫu biểu	Nội dung	CQ báo cáo và nhận báo cáo
I	**PHỤ LỤC 01 (Theo Thông tư 342/2016/TT-BTC)**	
1	***Mẫu biểu lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước***	
Mẫu biểu số 05	Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm...	Dùng cho: - Đơn vị dự toán cấp trên tổng hợp dự toán của các đơn vị sử dụng ngân sách - Đơn vị dự toán cấp I, UBND huyện, thành phố báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư
Mẫu biểu số 06	Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm... chi tiết theo đơn vị trực thuộc	
Mẫu biểu số 07	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách nhà nước từ các khoản phí và lệ phí năm...	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I, UBND huyện, thành phố báo cáo cơ quan tài chính
Mẫu biểu số 11.1	Dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu năm...	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I, UBND huyện, thành phố ở địa phương báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư
Mẫu biểu số 12.1	Dự toán thu, chi theo lĩnh vực sự nghiệp năm...	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo cơ quan quản lý cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
Mẫu biểu số 12.2	Dự toán thu, chi đơn vị sự nghiệp lĩnh vực năm...	Dùng cho: - Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư báo cáo cơ quan quản lý cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
Mẫu biểu số 12.3	Dự toán thu, chi đơn vị sự nghiệp lĩnh vực năm...	Dùng cho: - Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên báo cáo cơ quan quản lý cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
Mẫu biểu số 12.4	Dự toán thu, chi đơn vị sự nghiệp lĩnh vực năm...	Dùng cho: - Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên báo cáo cơ quan quản lý cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
Mẫu biểu số 12.5	Dự toán thu, chi đơn vị sự nghiệp lĩnh vực năm...	Dùng cho: - Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên báo cáo cơ quan quản lý cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
Mẫu biểu số 13.1	Cơ sở tính chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề năm...	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I, UBND huyện, thành phố báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
Mẫu biểu số 13.2	Cơ sở tính chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình năm...	
Mẫu biểu số 13.3	Cơ sở tính chi sự nghiệp khoa học và công nghệ năm...	
Mẫu biểu số 13.4	Cơ sở tính chi sự nghiệp văn hóa thông tin năm...	
Mẫu biểu số 13.5	Cơ sở tính chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn năm...	
Mẫu biểu số 13.6	Cơ sở tính chi sự nghiệp thể dục thể thao năm...	
Mẫu biểu số 13.7	Cơ sở tính chi sự nghiệp bảo vệ môi trường năm...	
Mẫu biểu số 13.8	Cơ sở tính chi các hoạt động kinh tế năm...	
Mẫu biểu số 13.9	Chi tiết chi các hoạt động kinh tế theo chương trình/dự án năm...	
Mẫu biểu số 13.10	Cơ sở tính chi thực hiện chính sách đối với các đối tượng thuộc lĩnh vực bảo đảm xã hội năm...	
Mẫu biểu số 13.11	Cơ sở tính chi thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng năm...	Dùng cho: - Cơ quan lao động - thương binh và xã hội các cấp để báo cáo cơ quan lao động- thương binh và xã hội cấp trên
Mẫu biểu số 13.12	Cơ sở tính chi thực hiện chính sách trợ giúp xã hội năm...	Dùng cho cơ quan lao động - thương binh và xã hội báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
Mẫu biểu số 14	Cơ sở tính chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể năm...	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I, UBND huyện, thành phố báo cáo cơ quan tài chính
Mẫu biểu số 15.1	Báo cáo biên chế - tiền lương của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể năm...	
Mẫu biểu số 15.2	Báo cáo lao động - tiền lương - nguồn kinh phí đảm bảo của các đơn vị sự nghiệp năm...	
Mẫu biểu số 18	Kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách năm...	Dùng cho các cơ quan, đơn vị ở địa phương báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
2	***Mẫu biểu lập dự toán chi đầu tư phát triển***	

Các mẫu biểu	Nội dung	CQ báo cáo và nhận báo cáo
Mẫu biểu số 23	Dự toán chi đầu tư nguồn NSNN (vốn trong nước) năm...	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I, UBND huyện, thành phố báo cáo cơ quan tài chính và cơ quan kế hoạch và đầu tư
Mẫu biểu số 24	Dự toán chi đầu tư từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi theo phương thức cấp phát từ NSTW (không bao gồm vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước) năm	
Mẫu biểu số 25	Dự toán chi đầu tư từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi theo phương thức cấp phát (giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước) năm....	
Mẫu biểu số 26	Dự toán chi đầu tư từ nguồn vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSĐP (vốn trong nước) năm....	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I, UBND huyện, thành phố báo cáo cơ quan tài chính và cơ quan kế hoạch và đầu tư
Mẫu biểu số 27	Tổng hợp dự toán chi đầu tư phát triển năm ...	Dùng cho đơn vị dự toán cấp I, UBND huyện, thành phố báo cáo cơ quan tài chính và cơ quan kế hoạch và đầu tư
3	***Mẫu biểu lập dự toán ngân sách huyện, thành phố***	
Mẫu biểu số 28	Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội cơ bản năm...	Dùng cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố báo cáo Sở Tài chính
Mẫu biểu số 29.2	Cân đối NSĐP năm... (dùng cho các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách)	
Mẫu biểu số 30	Kế hoạch vay và trả nợ ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương năm...	
Mẫu biểu số 31	Biểu tổng hợp dự toán thu NSNN năm...	
Mẫu biểu số 32	Biểu tổng hợp dự toán chi NSĐP năm....	
Mẫu biểu số 33	Tình hình thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSĐP (vốn trong nước) năm... và dự kiến kế hoạch năm...	Dùng cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố báo cáo Sở Tài chính
Mẫu biểu số 34	Tình hình thực hiện các dự án đầu tư từ vốn ODA và vốn vay ưu đãi kế hoạch năm... và dự kiến kế hoạch năm....	
Mẫu biểu số 35	Dự toán thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập năm...	
II	**PHỤ LỤC 02**	
Mẫu biểu số 01	Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm...	
Mẫu biểu số 02	Bảng thanh toán tiền lương tháng 7 năm 2017	
Mẫu biểu số 03	Kế hoạch giải ngân vốn vay năm 2018 của các dự án ODA và vốn vay ưu đãi từ nguồn chính phủ vay về cho vay lại	
Mẫu biểu số 04	Tổng hợp kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ năm 2016, 2017 và dự kiến nhu cầu kinh phí năm 2018	
III	**PHỤ LỤC 03**	
Mẫu biểu số 01	Tổng hợp nhu cầu chi NSNN giai đoạn 03 năm...	Dùng cho cơ quan đơn vị dự toán cấp I khối tỉnh tổng hợp chi thường xuyên
Mẫu biểu số 02	Tổng hợp nhu cầu chi thường xuyên giai đoạn 03 năm...	
Mẫu biểu số 03	Chi tiết nhu cầu chi thường xuyên giai đoạn 03 năm...	
Mẫu biểu số 04	Tổng hợp mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu và nhu cầu chi thường xuyên mới giai đoạn 03 năm...	
Mẫu biểu số 05	Dự kiến số thu, chi từ nguồn thu được để lại theo chế độ giai đoạn 03 năm...	
Mẫu biểu số 06	Tổng hợp nhu cầu chi NSNN giai đoạn 03 năm...	Dùng cho cơ quan đơn vị dự toán cấp I khối tỉnh tổng hợp chi đầu tư
Mẫu biểu số 07	Tổng hợp nhu cầu chi đầu tư phát triển giai đoạn 03 năm...	
Mẫu biểu số 08	Tổng hợp nhu cầu chi đầu tư phát triển lĩnh vực giai đoạn 03 năm...	
Mẫu biểu số 09	Tổng hợp mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu và nhu cầu chi đầu tư phát triển mới giai đoạn 03 năm...	
Mẫu biểu số 10	Dự toán chi cân đối ngân sách cấp huyện giai đoạn 03 năm...	Dùng cho UBND huyện, thành phố tổng hợp báo cáo
Mẫu biểu số 11	Dự toán chi cân đối ngân sách cấp xã giai đoạn 03 năm...	
Mẫu biểu số 12	Chi tiết nhu cầu chi thường xuyên ngân sách cấp huyện giai đoạn 03 năm...	
Mẫu biểu số 13	Chi tiết nhu cầu chi thường xuyên ngân sách cấp xã giai đoạn 03 năm...	
Mẫu biểu số 14	Tổng hợp nhu cầu chi đầu tư phát triển ngân sách cấp huyện giai đoạn 03 năm...	
Mẫu biểu số 15	Tổng hợp nhu cầu chi đầu tư phát triển ngân sách cấp xã giai đoạn 03 năm...	